

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Phương;

2. Ông Phạm Hồng Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị B, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

*Đồng bị đơn:* Anh D (T1), sinh năm 1981 và chị A (B), sinh năm 1985; Cùng cư trú: ấp H, xã T2, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2024, bản tự khai, lời khai có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng, chị B trình bày và yêu cầu:

Anh D và chị A có tham gia góp hui do chị B làm chủ hui, anh D và chị A là hui viên cụ thể như sau:

- Dây hui thứ 1: Hui 1.000.000 đồng (hui tháng), khởi sự ngày 15/10/2020 (AL) đến ngày 15/6/2022 al, tổng 20 phần, hui đã kết thúc, anh D, chị A đã hót vào kỳ thứ 16 và còn nợ chị B tiền hui chết 04 kỳ là: 4.000.000 đồng;

- Dây hội thứ 2: Hội 1.000.000 đồng (hội tháng), khởi sự ngày 15/5/2021 (AL) đến ngày 15/01/2023 al, tổng 20 phần, hội đã kết thúc, anh D, chị A đã hót và còn nợ chị B tiền hội chết 11 kỳ là: 11.000.000 đồng;

- Dây hội thứ 3: Hội 1.000.000 đồng (hội tháng), khởi sự ngày 20/4/2021 (AL) đến ngày 20/3/2023 al, tổng 23 phần (anh D, chị A tham gia 02 phần), hội đã kết thúc, anh D, chị A đã hót và còn nợ chị B tiền hội chết 12 kỳ của 02 phần là: 24.000.000 đồng;

- Dây hội thứ 4: Hội 1.000.000 đồng (hội tháng), khởi sự ngày 20/11/2021 (AL) đến ngày 20/8/2023 al, tổng 20 phần, hội đã kết thúc, anh D, chị A đã hót và còn nợ chị B tiền hội chết 17 kỳ là: 17.000.000 đồng;

- Dây hội thứ 5: Hội 1.000.000 đồng (hội tháng), khởi sự ngày 30/9/2021 (AL) đến ngày 30/5/2023 al, tổng 20 phần (anh D, chị A tham gia 02 phần), hội đã kết thúc, anh D, chị A đã hót và còn nợ chị B tiền hội chết 16 kỳ của 02 phần là: 32.000.000 đồng.

Ngoài ra anh D, chị A còn nợ tiền hội chưa góp của các dây hội trước là 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà anh D, chị A đã tham gia góp hội do chị B làm chủ hội thì anh D, chị A còn nợ hội chưa góp cho chị B tổng cộng số tiền là: 93.000.000 đồng.

Anh D và chị A có làm giấy nhận nợ với chị B ngày 07/01/2024 al (theo giấy nhận nợ ngày 07/01/2024 al)

Nay, chị B yêu cầu anh D và chị A có trách nhiệm trả cho chị B số tiền hội còn lại chưa góp là 93.000.000 đồng ngay.

*Đồng bị đơn anh D và chị A trình bày và ý kiến:* Anh D và chị A thừa nhận có tham gia góp hội do chị B làm chủ hội, anh D và chị A là hội viên. Về hình thức hội, giá trị phần hội, ngày mở hội, hội gồm bao nhiêu phần đúng như lời trình bày trên của chị B. Anh D và chị A thừa nhận còn nợ lại chị B số tiền hội chưa góp của các dây hội trên là 93.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị B số tiền nợ hội còn lại các dây hội như đã nêu trên là 93.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xin hẹn mỗi tháng trả cho chị B 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ hội trên.

Tại phiên tòa chị B xác định anh D và chị A còn nợ lại chị B số tiền nợ hội là 93.000.000 đồng và yêu cầu trả ngay số nợ trên.

Anh D và chị A vẫn giữ nguyên ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa

nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị B yêu cầu anh D và chị A trả cho chị B số tiền nợ hui còn lại là 93.000.000 đồng ngay một lần; đồng bị đơn, anh D và chị A thừa nhận còn nợ lại chị B số tiền hui chưa trả cho chị B là 93.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh D và chị A xin trả mỗi tháng cho chị B 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên nhưng không được sự đồng ý của chị B.

Xét thấy, về phương thức thanh toán, các bên không thống nhất; đồng bị đơn, anh D và chị A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 buộc anh D và chị A có trách nhiệm trả cho chị B số tiền nợ hui còn lại là 93.000.000 đồng.

- Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị B khởi kiện yêu cầu anh D và chị A trả tiền nợ hui, đây là loại tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc khác bị đơn anh D, chị A có địa chỉ cư trú tại: xã T2, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai, yêu cầu của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trong quá trình tố tụng cho thấy:

Nguyên đơn chị B, đồng bị đơn anh D và chị A đều xác nhận anh D và chị A có tham gia góp hui do chị B làm chủ hui.

[2.1] Các dây hui do chị B làm chủ hui, anh D và chị A là hui viên, sau khi kết thúc các dây hui trên, anh D và chị A còn nợ chị B tiền hui chưa góp tổng cộng là: 93.000.000 đồng.

[2.2] Chị B yêu cầu anh D và chị A trả cho chị B tổng số tiền còn nợ các dây hui là 93.000.000 đồng, đồng bị đơn anh D và chị A thừa nhận còn nợ chị B số tiền hui 93.000.000 đồng và xin hẹn mỗi tháng trả cho chị B 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[2.3] Xét thấy việc chị B và anh D với chị A xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch dân sự.

[2.4] Anh D và chị A đã vi phạm nghĩa vụ góp tiền hụi cho chị B mà hai bên đã xác lập làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị B; chị B yêu cầu anh D, chị A trả tiền nợ hụi còn lại 93.000.000 đồng cho chị B ngay một lần, anh D và chị A đồng ý trả nhưng anh D và chị A cho rằng đang có khó khăn về kinh tế xin hẹn mỗi tháng trả cho chị B 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ hụi trên cho chị B nhưng không được chị B đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh D và chị A, do đó áp dụng Điều 351, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc anh D và chị A có trách nhiệm trả cho chị B số tiền nợ hụi còn lại là 93.000.000 đồng.

[2.5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2.6] Về án phí: Do yêu cầu của chị B được Tòa án chấp nhận nên anh D và chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 351, Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B.

Buộc anh D (T) và chị A (B) có trách nhiệm trả cho chị B số tiền nợ hụi còn lại là 93.000.000 (chín mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D (T) và chị A (B) phải chịu 4.650.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị B số tiền 2.325.000 (hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007712 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX T;
- Chi cục THADS TX T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dầm**